

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của
Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ
phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới**

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 36-NQ/TW.
- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học để phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, góp phần vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo hướng xanh, nhanh và bền vững.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW phải được các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chủ động tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình phù hợp và quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục và phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.
- Bám sát yêu cầu, nhiệm vụ của từng ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị để kịp thời cụ thể hóa, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả gắn với trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các ngành trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW gắn với các Nghị quyết, Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.
- Xác định nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể, cách thức tổ chức để tạo bước chuyển biến tích cực, mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân đầu tư phát triển công nghệ sinh học.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là động lực quan trọng để thực hiện quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và đời sống Nhân dân.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học gắn với khai thác và phát huy tốt tiềm năng, lợi thế của tỉnh, của từng vùng, từng địa phương. Tập trung đầu tư phát triển một số lĩnh vực trọng điểm, cơ bản, nhất là tận dụng đa dạng sinh học của tỉnh.

- Phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng là giải pháp ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội; lấy doanh nghiệp là chủ thể, có cơ chế, chính sách vượt trội tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân đầu tư phát triển công nghiệp sinh học.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để xây dựng tỉnh Sơn La trở thành tỉnh phát triển toàn diện, ổn định, bền vững và công bằng. Phấn đấu đến năm 2030 đưa tỉnh Sơn La trở thành một trong những tỉnh khá, trung tâm của tiểu vùng Tây Bắc; trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, thông minh, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết hợp phát triển du lịch.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Tập trung phát triển và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trên một số lĩnh vực quan trọng là lợi thế của tỉnh; phấn đấu là tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển trong khu vực miền núi phía bắc.

- Đầu tư và phát triển các phòng thí nghiệm công nghệ sinh học. Hoàn thành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống.

- Huy động nguồn lực đầu tư cơ sở, vật chất, trang thiết bị và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các trung tâm, phòng thí nghiệm, phòng kiểm định, kiểm nghiệm về công nghệ sinh học phục vụ giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ theo yêu cầu, phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh.

b) Đến năm 2045

Phấn đấu là tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển trong nước; trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh; khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công nghệ sinh học thuộc nhóm dẫn đầu vùng Trung du và miền núi bắc bộ; phát triển xanh, bền vững và toàn diện; tăng trưởng với nhịp độ tăng dần đều; đáp ứng các chỉ tiêu xã hội ngày càng tốt hơn; sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực tăng trưởng; có không gian sản xuất và sinh hoạt xã hội hướng xanh, thích nghi với biến đổi khí hậu; có môi trường đầu tư năng động, có chỉ số cạnh tranh đạt chuẩn quốc gia và khu vực (*thông thoáng, minh bạch, thân thiện, an ninh, an toàn*).

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thống nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

- Tăng cường tuyên truyền Nghị quyết số 36-NQ/TW đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân.

- Triển khai các nhiệm vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, lồng ghép với các nhiệm vụ, dự án, chương trình khác phù hợp với quy hoạch của từng ngành và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm phát huy tối đa tiềm năng lợi thế của từng địa phương trong tỉnh tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thách thức, cũng như yếu tố tiềm năng, lợi thế của tỉnh; chú trọng giới thiệu thành tựu công nghệ sinh học; chủ động tuyên truyền về các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động có hiệu quả.

2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù trong phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở các tiềm năng, lợi thế của tỉnh; hoàn thành, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản, cơ chế chính sách tạo khung pháp lý thuận lợi theo cơ chế thị trường để khuyến khích phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học. Trong đó, chú trọng tới các cơ chế, chính sách tạo môi trường hấp dẫn, thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, quốc phòng, an ninh; đào tạo, phát hiện, sử dụng nguồn nhân lực công nghệ sinh học.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về định hướng hoạt động thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025. Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

3. Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; phát triển công nghệ sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc

3.1. Lĩnh vực khoa học và công nghệ

Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao thích nghi với biến đổi khí hậu; phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản; phát triển các quy trình công nghệ trong sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm nông lâm nghiệp; phát triển các mô hình: canh tác nông nghiệp theo quy trình VietGAP và GAP khác cho sản phẩm rau, hoa, chè và cây ăn quả ôn đới,... Gắn với chế biến và xuất khẩu nông sản. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác bảo tồn khai thác và phát triển một số nguồn gen, bước đầu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu gen có giá trị để phát triển phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, y-dược, bảo vệ môi trường... Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ xanh, hệ thống quản lý và kiểm soát hoạt động theo kinh nghiệm thực hành tốt để giảm ô nhiễm, cải thiện môi trường sinh thái.

Xây dựng các chương trình nghiên cứu chuyên sâu về phân loại học, đặc điểm sinh học cá thể, quần thể, phục hồi hệ sinh thái, phục hồi các loài quý hiếm có giá trị để bảo tồn và phát triển.

Thúc đẩy mối liên kết ba bên giữa nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ - doanh nghiệp - nhà nước; phát triển thị trường khoa học và công nghệ gắn với thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, khai thác sáng chế, ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo khoa học và công nghệ.

3.2. Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản phục vụ tốt nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản của tỉnh, cụ thể:

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ gen, công nghệ vi nhân giống để tạo ra các loại giống cây trồng nông nghiệp có đặc tính ưu việt, sạch bệnh, năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, có khả năng chống chịu với điều kiện biến đổi khí hậu và phù hợp thổ nhưỡng của tỉnh, nhất là các giống cây mà tỉnh có khả năng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, phù hợp với nhu cầu thị trường, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Tập trung nghiên cứu, tiếp nhận và chuyển giao ứng dụng các công nghệ về sinh sản tạo ra các giống gia súc, gia cầm có năng suất, chất lượng tốt, sức chống chịu và kháng bệnh cao trước các điều kiện bất lợi của môi trường.

- Nghiên cứu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, cung cấp giống thủy sản có chất lượng cao, kháng bệnh tốt phục vụ nhu cầu phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực nghiệm các phương pháp sinh sản nhân tạo và đưa vào sản xuất đại trà khi có điều kiện đối với một số loại thủy

sản có giá trị kinh tế cao phục vụ xuất khẩu; sử dụng rộng rãi các chế phẩm sinh học trong xử lý môi trường nuôi, chế biến thức ăn thủy sản, phòng trừ dịch bệnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng đồng bộ các thành tựu mới của công nghệ sinh học vào trong các khâu bảo quản, sơ chế, chế biến nông, lâm, thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và đảm bảo tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

b) Nghiên cứu triển khai thực hiện xây dựng Trung tâm quốc gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp tại huyện Mộc Châu, đề án thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Sơn La trong đó có ứng dụng công nghệ sinh học.

c) Hình thành và phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, gồm: giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực; phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh vật, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm sinh học xử lý môi trường, thức ăn chăn nuôi,...; chế phẩm sinh học phục vụ bảo quản chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; vắc-xin phòng bệnh cho vật nuôi, thủy sản, thuốc thú y sinh học, KIT sử dụng cho chẩn đoán, quản lý dịch bệnh hại quan trọng đối với cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực và kiểm soát dư lượng các chất cấm.

3.3. Lĩnh vực công nghiệp

- Cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương cùng với tận dụng những thành quả của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển công nghiệp bền vững hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế. Tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh học thân thiện với môi trường; ứng dụng công nghệ sinh học trong chế biến sâu nông, lâm, thủy sản và dược liệu đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế huy động nguồn đầu tư cho công nghệ sinh học, công nghiệp sinh học; hỗ trợ, đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học; hỗ trợ phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ. Hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất sản phẩm công nghệ đạt trình độ cao. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, điện tử, năng lượng tái tạo, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”, sử dụng nhiều nguyên liệu của tỉnh, phụ kiện trong nước, sử dụng nhiều lao động địa phương, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ, liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Tăng cường ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường; xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường, bảo tồn thiên

nhiên, đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường.

3.4. Lĩnh vực y dược và bảo vệ sức khỏe cộng đồng

- Tăng cường nghiên cứu tiếp nhận và triển khai ứng dụng các quy trình kỹ thuật hiện đại về công nghệ sinh học nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng công tác y tế dự phòng, chẩn đoán, khám và điều trị bệnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân.

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong việc xác định các vi sinh vật gây bệnh nhằm hỗ trợ cho công tác chẩn đoán, điều trị các bệnh truyền nhiễm và phòng, chống dịch bệnh. Ứng dụng công nghệ sinh học trong khâu xét nghiệm chẩn đoán, hỗ trợ điều trị bệnh và chẩn đoán các đột biến kháng thuốc của các vi sinh vật gây bệnh.

- Ứng dụng các kỹ thuật công nghệ sinh học hiện đại, các bộ KIT sinh học trong chẩn đoán, phát hiện nhanh vi sinh vật gây bệnh và các độc tố nhằm chuẩn hóa và kiểm soát chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn nguyên liệu đầu vào và các sản phẩm liên quan để bảo đảm sức khỏe cho người dân.

- Nghiên cứu ứng dụng và phát triển một số vùng dược liệu; chuyển giao và nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi cấy mô, thu nhận hợp chất có hoạt tính sinh học từ cây dược liệu nhằm bảo tồn, phát triển, phục vụ nhu cầu sức khỏe cộng đồng.

4. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp gắn với việc làm và theo nhu cầu xã hội; nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong đó có công nghệ sinh học cho nông dân, nhà quản lý nông nghiệp, chủ trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp của tỉnh.

- Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ sinh học. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu.

- Nghiên cứu, rà soát, xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia đầu ngành và nhân lực có trình độ cao về công nghệ sinh học. Hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu có uy tín đạt trình độ khu vực trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

- Đầu tư trang thiết bị phòng thí nghiệm công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp cho các trường đại học, cao đẳng trực thuộc tỉnh.

- Liên kết, phối hợp với các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu trong nước và ngoài nước đào tạo nâng cao, bồi dưỡng cho nông dân, nhà quản lý nông nghiệp, chủ trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp của tỉnh thông qua các

chương trình đào tạo ngắn hạn, tập huấn.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học

- Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về lĩnh vực công nghệ sinh học, tuân thủ các điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học mà Việt Nam tham gia. Nghiên cứu, xây dựng chính sách mua, chuyển giao, trao đổi công nghệ sinh học, trong đó quan tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao của thế giới; hợp tác nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế sinh học, quản lý tài nguyên, quản lý kinh tế - xã hội bền vững với các quốc gia có trình độ công nghệ sinh học phát triển.

- Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có nhu cầu ứng dụng công nghệ sinh học vào trong quá trình sản xuất, kinh doanh tham gia các hội nghị, hội chợ, diễn đàn hợp tác tại các nước có nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học phát triển.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo:

1.1. Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này.

1.2. Chỉ đạo các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

1.3. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, việc triển khai thực hiện định kỳ hàng năm (*trước ngày 20/12*), báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*).

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt và xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Giao Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này./.

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế Trung ương (b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Văn phòng và các ban đảng tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Lưu VPTU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Nguyễn Hữu Đông